

Số: *18/7*/TB-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày *13* tháng 8 năm 2020

## THÔNG BÁO

### Công bố công khai các công trình, dự án phát sinh trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của UBND tỉnh Lai Châu V/v cập nhật các công trình, dự án phát sinh bổ sung vào Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 của UBND tỉnh Lai Châu V/v chấp thuận cho phép để thực hiện và cập nhật bổ sung các công trình, dự án vào kế hoạch sử dụng đất năm 2020 cấp huyện;

UBND thành phố Lai Châu công bố công khai các công trình, dự án phát sinh trong Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

#### 1. Hồ sơ công khai

- Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của UBND tỉnh Lai Châu V/v cập nhật các công trình, dự án phát sinh bổ sung vào Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp huyện;

- Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 của UBND tỉnh Lai Châu V/v chấp thuận cho phép để thực hiện và cập nhật bổ sung các công trình, dự án vào kế hoạch sử dụng đất năm 2020 cấp huyện.

*(Có Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 và Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 của UBND tỉnh Lai Châu kèm theo)*

#### 2. Thời hạn, địa điểm công khai

- **Thời hạn:** Trong suốt kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất;

- **Địa điểm:** Trên trang thông tin điện tử thành phố: [thanhpho.laichau.gov.vn](http://thanhpho.laichau.gov.vn), tại Trụ sở Phòng Tài nguyên - Môi trường, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa trực thuộc Văn Phòng HĐND-UBND thành phố và Trụ sở UBND các xã, phường.

### **3. Giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường**

**3.1. Văn phòng HĐND-UBND thành phố:** Đăng tải toàn bộ hồ sơ công bố công khai các công trình, dự án phát sinh trong Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu lên Trang thông tin điện tử của thành phố Lai Châu và tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa trực thuộc Văn Phòng HĐND-UBND thành phố.

#### **3.2. Phòng Tài nguyên - Môi trường thành phố**

- Thực hiện công khai các công trình, dự án phát sinh trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu theo quy định.

- Cung cấp các tài liệu, số liệu các công trình, dự án phát sinh trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu cho Văn phòng HĐND-UBND thành phố và UBND các xã, phường để thực hiện việc công khai theo quy định. Đơn đốc, kiểm tra UBND các xã, phường thực hiện việc công khai Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2020.

- Theo dõi, tổng hợp việc thực hiện Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của thành phố Lai Châu, báo cáo UBND thành phố và Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

**3.3. Đài truyền thanh thành phố:** Tổ chức thông tin, tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh về nội dung Thông báo này để các cơ quan, đơn vị, tổ chức và Nhân dân được biết.

**3.4. Các cơ quan chuyên môn của thành phố:** Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với phòng Tài nguyên - Môi trường và UBND các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu đạt hiệu quả.

#### **3.5. UBND các xã, phường**

- Thực hiện công khai các công trình, dự án phát sinh trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu theo quy định.

- Tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức và Nhân dân trên địa bàn về các chỉ tiêu sử dụng đất của xã, phường đã

được phê duyệt trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

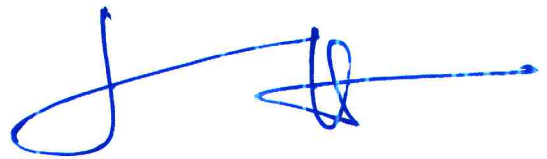
- Thường xuyên kiểm tra, phát hiện, xử lý theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

UBND thành phố thông báo để các cơ quan, đơn vị, tổ chức và Nhân dân biết, thực hiện đảm bảo đúng theo Quy hoạch, kế hoạch được duyệt./.

**Nơi nhận:**

- UBND Tỉnh (b/c);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- TT. Thành ủy, TT. HĐND thành phố; (b/c)
- Chủ tịch UBND thành phố;
- Văn phòng HĐND-UBND, phòng TNMT, Đài truyền thanh và các cơ quan, đơn vị liên quan;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Bùi Hữu Cam**

Số: 1055/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 03 tháng 8 năm 2020

### QUYẾT ĐỊNH

**Chấp thuận cho phép để thực hiện và cập nhật bổ sung các công trình,  
dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của cấp huyện**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh thông qua Danh mục các công trình, dự án phát sinh bổ sung vào Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất năm 2020 cấp tỉnh;*

*Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức bồi thường giải phóng mặt bằng; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2020 trên địa bàn tỉnh;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1945/TTr-STNMT ngày 10/7/2020.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Chấp thuận cho phép để thực hiện và cập nhật bổ sung 181 công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 các huyện, thành phố, với diện tích 18.118,19 ha, trong đó:

- Thành phố Lai Châu: 20 công trình, dự án, với diện tích 150,22 ha;
- Huyện Phong Thổ: 27 công trình, dự án, với diện tích 151,55 ha;
- Huyện Tân Uyên: 11 công trình, dự án với diện tích 485,69 ha;
- Huyện Than Uyên: 17 công trình, dự án với diện tích 837,26 ha;
- Huyện Mường Tè: 55 công trình, dự án với diện tích 13.223,59 ha;
- Huyện Tam Đường: 16 công trình, dự án với diện tích 879,54 ha;

- Huyện Sìn Hồ: 16 công trình, dự án với diện tích 2.272,42 ha;
- Huyện Nậm Nhùn: 19 công trình, dự án với diện tích 117,92 ha.

**Điều 2.** Giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- a) Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố cập nhật bổ sung các công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của cấp huyện;
- b) Tổ chức thẩm định nhu cầu sử dụng đất; tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

2. UBND các huyện, thành phố:

- a) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường tổng hợp các công trình, dự án vào kế hoạch sử dụng đất của cấp huyện và tổ chức công bố công khai đảm bảo theo quy định;
- b) Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận theo thẩm quyền.

3. Các chủ đầu tư thực hiện thủ tục về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định. Chỉ được phép thực hiện công trình, dự án sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng (nếu có).

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Báo Lai Châu;
- Trung tâm THCB (để đăng tải);
- Lưu: VT, Kt4.



**Hà Trọng Hải**

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN PHÁT SINH NĂM 2020**  
**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VÀO QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020 CẤP HUYỆN**

(Kèm theo Quyết định số: 1054 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

| STT | Tên công trình, dự án  | Địa điểm           | Diện tích (ha) | Sử dụng vào loại đất (ha)  |
|-----|--|--------------------|----------------|--|
| (1) | (2)  | (3)                | (4)            | (5)  |
| V   | Thành phố Lai Châu (20)  |                    | 150.22         |  |
| a   | Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN  |                    | 142.62         |  |
| 1   | Trụ sở Công an phường Quyết Tiến   | Phường Quyết Tiến  | 0.18           | BHK(0,18)  |
| 2   | Trận địa SMPK 12,7   | Xã Nậm Loông       | 0.04           | NHK(0,04)  |
| 3   | Kho dự trữ Lai Châu  | Phường Quyết Thắng | 0.12           | NHK(0,08); DCS(0,04)   |
|     | Đường giao thông   | Phường Quyết Thắng | 0.90           | DCS(0,1); DGD(0,8)   |
| 4   | Khắc phục, xử lý ngập úng tại bản Lùng Thàng, xã Sùng Phái                               | Xã Sùng Phái       | 0.33           | BHK(0,04); NHK(0,08); CLN(0,20); CLN(0,04); ONT(0,05)  |
| 5   | Cải tạo khu nuôi nhốt gia súc tập trung bản Gia Khâu 1                                   | Xã Sùng Phái       | 0.26           | LUK(0,02); BHK(0,08); NHK(0,05); CLN(0,09); ONT(0,02)  |
| 6   | Nâng cấp cải tạo tuyến đường và hệ thống thoát nước bản Tả Xin Chải tới ngã ba Duy Phong | Phường Đông Phong  | 1.05           | LUK(0,66); BHK(0,25); CLN(0,01); NTS(0,1); TMD(0,02); ODT(0,2); SON(0,05); DGT(0,1); DCS(0,02)   |
|     | Khu đô thị Đông Nam thành phố Lai Châu - Phân khu A                                      | Phường Tân Phong   | 0,82           | DCS(0,82)  |
|     | Khu đô thị Đông Nam thành phố Lai Châu - Phân khu B                                      | Phường Tân Phong   | 42.09          | LUK(7,94); BHK(4,50); NHK(7,29)CLN(4,50); RPH(0,60); NTS(2,40); ODT(7,15); SKC(1,20); DGT(1,30); DTL(0,5); DSH(0,14); DGD(3,05); SON(1,52) |

| STT | Tên công trình, dự án   | Địa điểm          | Diện tích (ha) | Sử dụng vào loại đất (ha)  |
|-----|---|-------------------|----------------|--|
| 7   | Khu đô thị Đông Nam thành phố Lai Châu - Phần khu C   | Phường Tân Phong  | 24.78          | LUK(2,84); BHK(3,08); NHHK(7,60); CLN(3,50); NTS(2,40); ODT(2,86); DGT(0,60); (DTL(0,30); SON1,50); DCS(0,1)             |
|     |   | Phường Đông Phong | 23.32          | LUK(2,30); BHK(3,74); NHHK(8,95); CLN(3,34); RPH(0,50); NTS(2,30); ODT(0,22); DGT(0,20); DTL(0,25); SON(1,30); DCS(0,22) |
|     | Khu đô thị Đông Nam thành phố Lai Châu - Phần khu D   | Phường Đông Phong | 45.51          | LUK(17,84); BHK(4,26); NHHK(8,50); CLN(4,35); NTS(5,30); ODT(2,00); DGT(0,34); DTL(0,30); SON(2,40); DCS(0,12)           |
|     | Khu đô thị Đông Nam thành phố Lai Châu - Phần khu D   | Xã San Thàng      | 2.70           | LUK(0,94); BHK(0,33); NHHK(0,35); CLN(0,33); NTS(0,14); ONT(0,11); DGT(0,08); DTL(0,06); SON(0,23); DCS(0,127)           |
| 8   | Đấu giá đất thương mại, dịch vụ   | P. Tân Phong      | 0.10           | TMD(0,02); DCS(0,08)   |
| 9   | Đấu giá đất thương mại, dịch vụ (Trung tâm kiểm định chất lượng công trình XD - Sở Xây dựng)                            | P. Tân Phong      | 0.33           | TSC(0,33)  |
| 10  | Đấu giá đất thương mại, dịch vụ (Viện kiểm sát ND thành phố)  | P. Quyết Tiến     | 0.26           | TSC(0,26)  |
| 11  | Đấu giá đất thương mại, dịch vụ (Cục dự trữ nhà nước khu vực Tây Bắc)   | P. Đoàn Kết       | 0.06           | TSC(0,06)  |
| 12  | Đấu giá đất thương mại, dịch vụ (Trụ sở làm việc Sở Tài chính cũ)   | P. Đoàn Kết       | 0.07           | TSC(0,07)  |
| 13  | Đấu giá đất thương mại, dịch vụ (Trụ sở Kho bạc cũ)   | P. Đoàn Kết       | 0.08           | TSC(0,08)  |
| 14  | Đấu giá đất thương mại, dịch vụ (Trụ sở liên cơ quan các đơn vị sự nghiệp sở Tư Pháp, Thư viện tỉnh, TT phát hành sách) | P. Đoàn Kết       | 0.16           | TSC(0,16)  |
| 15  | Đấu giá đất thương mại, dịch vụ (Nhà lớp học điểm trường San Thàng 2)   | Xã San Thàng      | 0.08           | DGD(0,08)  |
| 16  | Đấu giá đất thương mại, dịch vụ (Nhà lớp học bán Tả Sín Chải)   | P. Đông Phong     | 0.05           | DGD(0,05)  |
| 17  | Đấu giá đất thương mại, dịch vụ (Nhà lớp học điểm phân hiệu 2 trường NM Hoa Ban)  | P. Quyết Tiến     | 0.07           | DGD(0,07)  |

| STT      | Tên công trình, dự án  | Địa điểm     | Diện tích (ha) | Sử dụng vào loại đất (ha)  |
|----------|--|--------------|----------------|--|
| 18       | Đấu giá đất thương mại, dịch vụ (Nhà lớp học điểm gia khâu 2, trường MN Nậm Loông)                 | Xã Nậm Loông | 0.05           | DGD(0,05)  |
| 19       | Đấu giá đất thương mại, dịch vụ (Nhà lớp học điểm gia khâu 2, trường TH và THCS Nậm Loông)         | Xã Nậm Loông | 0.05           | DGD(0,05)  |
| <b>b</b> | <b>Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN</b>   |              | <b>7.60</b>    |  |
| 20       | Khai thác đá làm nguyên liệu sản xuất cát nghiền và các loại vật liệu XD khác tại mỏ đá Sùng Chó 2 | Xã Sùng Phài | 7.60           | BHK(0,22); NHK(5,35); CLN(0,01); ONT(0,08); SKC(0,42); DCS(1,52) |



Số: 1054 /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 31 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Cập nhật các công trình, dự án phát sinh bổ sung vào  
Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp huyện**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Thông qua Danh mục các công trình, dự án phát sinh bổ sung vào Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất năm 2020 cấp tỉnh;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1946/TTr-STNMT ngày 22/7/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cập nhật 181 công trình, dự án vào Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp huyện, với diện tích 18.118,19 ha, trong đó:

*(Chi tiết từng công trình, dự án có biểu kèm theo)*

- Thành phố Lai Châu: 20 công trình, dự án, với diện tích 150,22 ha;
- Huyện Phong Thổ: 27 công trình, dự án, với diện tích 151,55 ha;
- Huyện Tân Uyên: 11 công trình, dự án với diện tích 485,69 ha;
- Huyện Than Uyên: 17 công trình, dự án với diện tích 837,26 ha;
- Huyện Mường Tè: 55 công trình, dự án với diện tích 13.223,59 ha;
- Huyện Tam Đường: 16 công trình, dự án với diện tích 879,54 ha;
- Huyện Sìn Hồ: 16 công trình, dự án với diện tích 2.272,42 ha;
- Huyện Nậm Nhùn: 19 công trình, dự án với diện tích 117,92 ha.

**Điều 2.** Giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Hướng dẫn các chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ pháp lý về đầu tư.

2. Sở Xây dựng: Rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch đô thị (nếu có).

3. Sở Tài nguyên và Môi trường: Hướng dẫn các chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ pháp lý về lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

4. UBND các huyện, thành phố:

a) Tổ chức công bố, công khai quy hoạch sử dụng đất theo đúng quy định hiện hành.

b) Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận theo thẩm quyền.

5. Các chủ đầu tư: Hoàn thiện các thủ tục pháp lý về đầu tư, đất đai, môi trường và các lĩnh vực khác có liên quan theo quy định trước khi thực hiện dự án; chỉ được phép thực hiện công trình, dự án sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng (nếu có).

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

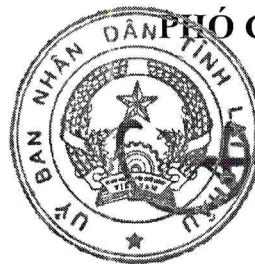
**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Báo Lai Châu;
- Trung tâm THCB (để đăng tải);
- Lưu: VT, Kt4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*

**Hà Trọng Hải**

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN PHÁT SINH NĂM 2020**  
**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VÀO QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020 CẤP HUYỆN**

(Kèm theo Quyết định số: 1054/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

| STT | Tên công trình, dự án  | Địa điểm           | Diện tích (ha) | Sử dụng vào loại đất (ha)  |
|-----|--|--------------------|----------------|--|
| (1) | (2)  | (3)                | (4)            | (5)  |
| V   | Thành phố Lai Châu (20)  |                    | 150.22         |  |
| a   | Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN  |                    | 142.62         |  |
| 1   | Trụ sở Công an phường Quyết Tiến   | Phường Quyết Tiến  | 0.18           | BHK(0,18)  |
| 2   | Trận địa SMPK 12,7   | Xã Nậm Loông       | 0.04           | NHK(0,04)  |
| 3   | Kho dự trữ Lai Châu  | Phường Quyết Thắng | 0.12           | NHK(0,08); DCS(0,04)   |
|     | Đường giao thông   | Phường Quyết Thắng | 0.90           | DCS(0,1); DGD(0,8)   |
| 4   | Khắc phục, xử lý ngập úng tại bản Lùng Thàng, xã Sùng Phài                               | Xã Sùng Phài       | 0.33           | BHK(0,04); NHK(0,20); CLN(0,04); ONT(0,05)   |
| 5   | Cải tạo khu nuôi nhốt gia súc tập trung bản Gia Khâu 1                                   | Xã Sùng Phài       | 0.26           | LUK(0,02); BHK(0,08); NHK(0,05); CLN(0,09); ONT(0,02)  |
| 6   | Nâng cấp cải tạo tuyến đường và hệ thống thoát nước bản Tả Xín Chải tới ngã ba Duy Phong | Phường Đông Phong  | 1.05           | LUK(0,66); BHK(0,25); CLN(0,01); NTS(0,1); TMD(0,02); ODT(0,2); SON(0,05); DGT(0,1); DCS(0,02)   |
|     | Khu đô thị Đông Nam thành phố Lai Châu - Phần khu A                                      | Phường Tân Phong   | 0,82           | DCS(0,82)  |
|     | Khu đô thị Đông Nam thành phố Lai Châu - Phần khu B                                      | Phường Tân Phong   | 42.09          | LUK(7,94); BHK(4,50); NHK(7,29); CLN(4,50); RPH(0,60); NTS(2,40); ODT(7,15); SKC(1,20); DGT(1,30); DTL(0,5); DSH(0,14); DGD(3,05); SON(1,52) |

| STT | Tên công trình, dự án   | Địa điểm          | Diện tích (ha) | Sử dụng vào loại đất (ha)  |
|-----|---|-------------------|----------------|--|
| 7   | Khu đô thị Đông Nam thành phố Lai Châu - Phân khu C   | Phường Tân Phong  | 24.78          | LUK(2,84); BHK(3,08); NHK(7,60);<br>CLN(3,50); NTS(2,40); ODT(2,86);<br>DGT(0,60); (DTL(0,30); SON1,50);<br>DCS(0,1)             |
|     |   | Phường Đông Phong | 23.32          | LUK(2,30); BHK(3,74); NHK(8,95);<br>CLN(3,34); RPH(0,50); NTS(2,30);<br>ODT(0,22); DGT(0,20); DTL(0,25);<br>SON(1,30); DCS(0,22) |
|     |   | Phường Đông Phong | 45.51          | LUK(17,84); BHK(4,26); NHK(8,50);<br>CLN(4,35); NTS(5,30); ODT(2,00);<br>DGT(0,34); DTL(0,30); SON(2,40);<br>DCS(0,12)           |
| 8   | Đấu giá đất thương mại, dịch vụ   | Xã San Thàng      | 2.70           | LUK(0,94); BHK(0,33); NHK(0,35);<br>CLN(0,33); NTS(0,14); ONT(0,11);<br>DGT(0,08); DTL(0,06); SON(0,23);<br>DCS(0,127)           |
|     |   | P. Tân Phong      | 0.10           | TMD(0,02); DCS(0,08)   |
| 9   | Đấu giá đất thương mại, dịch vụ (Trung tâm kiểm định chất lượng công trình XD - Sở Xây dựng)                            | P. Tân Phong      | 0.33           | TSC(0,33)  |
| 10  | Đấu giá đất thương mại, dịch vụ (Viện kiểm sát ND thành phố)  | P. Quyết Tiến     | 0.26           | TSC(0,26)  |
| 11  | Đấu giá đất thương mại, dịch vụ (Cục dự trữ nhà nước khu vực Tây Bắc)   | P. Đoàn Kết       | 0.06           | TSC(0,06)  |
| 12  | Đấu giá đất thương mại, dịch vụ (Trụ sở làm việc Sở Tài chính cũ)   | P. Đoàn Kết       | 0.07           | TSC(0,07)  |
| 13  | Đấu giá đất thương mại, dịch vụ (Trụ sở Kho bạc cũ)   | P. Đoàn Kết       | 0.08           | TSC(0,08)  |
| 14  | Đấu giá đất thương mại, dịch vụ (Trụ sở liên cơ quan các đơn vị sự nghiệp sơ Tư Pháp, Thư viện tỉnh, TT phát hành sách) | P. Đoàn Kết       | 0.16           | TSC(0,16)  |
| 15  | Đấu giá đất thương mại, dịch vụ (Nhà lớp học điểm trường San Thàng 2)   | Xã San Thàng      | 0.08           | DGD(0,08)  |
| 16  | Đấu giá đất thương mại, dịch vụ (Nhà lớp học bản Tả Sín Chải)   | P. Đông Phong     | 0.05           | DGD(0,05)  |
| 17  | Đấu giá đất thương mại, dịch vụ (Nhà lớp học điểm phân hiệu 2 trường NIM Hoa Ban)                                       | P. Quyết Thắng    | 0.07           | DGD(0,07)  |

| STT | Tên công trình, dự án  | Địa điểm     | Diện tích (ha) | Sử dụng vào loại đất (ha)  |
|-----|--|--------------|----------------|--|
| 18  | Đấu giá đất thương mại, dịch vụ (Nhà lớp học điểm gia khâu 2, trường MN Nậm Loông)                 | Xã Nậm Loông | 0.05           | DGD(0,05)  |
| 19  | Đấu giá đất thương mại, dịch vụ (Nhà lớp học điểm gia khâu 2, trường TH và THCS Nậm Loông)         | Xã Nậm Loông | 0.05           | DGD(0,05)  |
| b   | <b>Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN</b>   |              | <b>7.60</b>    |  |
| 20  | Khai thác đá làm nguyên liệu sản xuất cát nghiền và các loại vật liệu XD khác tại mỏ đá Sùng Chô 2 | Xã Sùng Phái | 7.60           | BHK(0,22); NHK(5,35); CLN(0,01); ONT(0,08); SKC(0,42); DCS(1,52) |